

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO
Ngày 08.6.2023

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi giao cho đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này quản lý.

2. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sau khi giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

4. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do đối tượng khác (ngoài các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này) quản lý¹ và các tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, xác định giá trị tài sản để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa, gồm:

a) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa thuộc Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về đường thủy nội địa.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan được giao quản lý tài sản), gồm:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương.

b) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương là cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương.

4. Tổ chức thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và các phương thức chuyển giao quyền khai thác khác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Điều 3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (bao

¹ Tài sản kết cấu hạ tầng do đối tượng khác quản lý quy định tại khoản này bao gồm cả “cảng, bến thủy nội địa chuyên dùng”, “đường thủy nội địa chuyên dùng”:

- Tại khoản 1 Điều 13 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 quy định: “Cảng, bến thủy nội địa chuyên dùng là cảng, bến thủy nội địa của một hoặc một số tổ chức kinh tế, chỉ dùng để xếp, dỡ hàng hóa, vật tư phục vụ cho sản xuất hoặc phục vụ đóng mới, sửa chữa phương tiện cho chính tổ chức đó”.

- Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ GTVT quy định: “Đường thủy nội địa chuyên dùng là đường thủy nội địa nối liền cảng, bến thủy nội địa chuyên dùng với luồng đường thủy nội địa quốc gia hoặc đường thủy nội địa địa phương, phục vụ cho nhu cầu giao thông vận tải của tổ chức, cá nhân.”

gồm cả vùng đất, vùng nước gắn với tài sản)², gồm:

a) Đường thủy nội địa: Luồng chạy tàu thuyền; âu tàu; các công trình đưa phương tiện qua đập, thác trên sông, kênh, rạch hoặc luồng trên hồ, đầm, phá vụng, vịnh, ven bờ biển³, ra đảo, nối các đảo thuộc nội thủy.

b) Hành lang bảo vệ luồng.

c) Cảng thủy nội địa.

d) Bến thủy nội địa.

đ) Khu neo đậu ngoài cảng.

e) Kè, đập giao thông.

g) Báo hiệu đường thủy nội địa.

h) Các công trình phụ trợ khác theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia⁴ được xác định như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.⁵

b) Tài sản liên quan đến an ninh quốc gia là tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.⁶

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây:

² Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật Giao thông đường thủy nội địa sửa đổi, bổ sung năm 2014): *Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm đường thủy nội địa; hành lang bảo vệ luồng; cảng, bến thủy nội địa; khu neo đậu ngoài cảng; kè, đập giao thông, báo hiệu đường thủy nội địa và các công trình phụ trợ khác.*

³ Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004.

⁴ Cụm từ này đã được sử dụng tại điểm a khoản 1 Điều 81 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

⁵ Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1995 của Chính phủ (quy định chi tiết Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự năm 1994) quy định “Điều 1.- Công trình quốc phòng và khu quân sự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được đăng ký, phân loại, xác định địa giới và thống nhất quản lý của Chính phủ”.

⁶ Theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia năm 2007 thì “4. Chính phủ quyết định danh mục công trình và quy định hành lang bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Hội đồng thẩm định”.

Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 72/2009/TT-BCA ngày 18/12/2009 của Bộ Công an quy định danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do các Bộ, ngành, địa phương trình lên Thủ tướng Chính phủ.

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được thực hiện chế độ tính hao mòn tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này là căn cứ để xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và phương thức khác theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.

4. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án có sử dụng vốn đầu tư công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác (không phải là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) thì việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp chủ đầu tư dự án không phải là cơ quan được giao quản lý tài sản thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư. Trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án, cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản; chủ đầu tư dự án chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao quản lý tài sản quản lý vận hành tài sản trong thời gian thực hiện đầu tư, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn; chi phí quản lý vận hành tài sản trong thời gian thực hiện đầu tư do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm. Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao lại tài sản (trong đó xác định rõ phần giá trị tăng thêm của tài sản do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan) cho cơ quan được giao quản lý tài sản để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp chủ đầu tư dự án là cơ quan được giao quản lý tài sản thì cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện đầu tư. Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa

vào sử dụng, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện ghi tăng giá trị tài sản và thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật khác có liên quan.

5. Việc thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này không được làm ảnh hưởng đến kết cấu kỹ thuật, khả năng khai thác và an toàn của tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan. Trường hợp làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đó và phải có giải pháp để khắc phục.

6. Khi thực hiện giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định tại hồ sơ giao, khai thác, xử lý tài sản.

7. Việc quản lý, sử dụng đối với đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Chương II

GIAO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 5. Phạm vi và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản như sau:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý.

b) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

2. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hình thức ghi tăng tài sản.

3. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý cho cơ quan được giao quản lý tài sản được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này quản lý.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao cho cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng (cơ quan được giao quản lý tài sản).

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước và đối tượng thụ hưởng không phải là cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này:

b1) Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước không phải là các đối tượng quy định tại điểm b2 khoản này thì quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

b2) Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, tài sản được xử lý theo hình thức điều chuyển từ các đối tượng thụ hưởng sang cơ quan quản lý đường thủy nội địa quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do các đối tượng không phải là cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này (bao gồm cả trường hợp đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước không phải là cơ quan được giao quản lý tài sản) thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 20 Nghị định này để quyết định và thực hiện điều chuyển tài sản.

7. Sau khi cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này, việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường thủy nội địa cùng cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý đang quản lý/tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định khoản 3 Điều 2 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã giao/tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này) quản lý.

2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại, cơ quan quản lý đường thủy nội địa lập phương án giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho đối tượng quản lý quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:

a) Đối với các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì cơ quan đã

được giao tài sản tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan; không phải ban hành Quyết định giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Đối với các tài sản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường thủy nội địa chủ trì, phối hợp với: Cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp; các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó (nếu có) lập hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản, báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị giao tài sản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa: 01 bản chính.

Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có); cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp về việc giao tài sản: 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ pháp lý về tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Xem xét, quyết định giao tài sản theo thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

b) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến về việc giao tài sản: 01 bản chính;

Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc giao tài sản (trong đó xác định cụ thể: cơ sở pháp lý; cơ quan được giao quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: tên tài sản, địa chỉ, số lượng/khối lượng/chiều dài, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao, gửi Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản (trong đó xác định cụ thể: cơ sở pháp lý; cơ quan được giao quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: tên tài sản, địa chỉ, số lượng/khối lượng/chiều dài, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản; tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều này: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này: 01 bản sao.

d) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan được giao quản lý tài sản.

b) Hình thức giao tài sản.

c) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản).

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản đang quản lý/tạm quản lý thì không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại điểm b khoản này; cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm hạch toán tài sản, thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

b) Đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị khác đang quản lý/tạm quản lý thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) có trách nhiệm bàn giao tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản (Bên nhận). Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm hạch toán tài sản, thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Chương III
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Mục 1. HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN
KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 8. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; hồ sơ pháp lý về đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có);

b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

Trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được giao quản lý theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là tài sản cố định được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là luồng chạy tàu thuyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 30 Nghị định này để xác định nguyên giá tài sản.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này đã đưa vào sử dụng trước ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa (sau đây gọi là Nghị định số 45/2018/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành:

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán;

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá của tài sản được xác định theo quy định tại điểm c khoản này;

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng, nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì sử dụng giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng để làm nguyên giá tài sản ghi sổ kế toán;

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP để xác định nguyên giá tài sản theo quy định thì tiếp tục kế toán theo nguyên giá đã xác định;⁷

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo các quy định nêu trên thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 30 Nghị định này để xác định nguyên giá tài sản.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này được mua sắm, đầu tư xây dựng mới, hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.

Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau: Giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị dự toán của dự

⁷ Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giá quy ước của tài sản (thuộc trung ương và địa phương), làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản để ghi sổ kế toán đối với trường hợp tài sản chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại.

án đã được phê duyệt. Khi giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh giá trị đã ghi sổ theo quy định của pháp luật về kế toán.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong quá trình sử dụng thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.

5. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

6. Chế độ kế toán, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mục 2. BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH THUỘC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 10. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Việc bảo trì, hình thức bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải⁸ ủy quyền, phân cấp cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý thì cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện bảo trì tài sản được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền, phân cấp.⁹

2. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Riêng các trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyên nhượng có

⁸ Tại khoản 6 Điều 34 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, trong đó có quyền quyết định phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

⁹ Quy định này chỉ quy định việc phân cấp, ủy quyền việc thực hiện bảo trì tài sản (vẫn sử dụng ngân sách trung ương để thực hiện); trường hợp bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện bảo trì thì không phù hợp với quy định tại pháp luật về ngân sách nhà nước.

thời hạn quyền khai thác tài sản, chuyển giao quyền khai thác khác mà theo Hợp đồng, doanh nghiệp nhận chuyển giao quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình thì việc bảo trì công trình do doanh nghiệp này thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan và Hợp đồng ký kết.

3. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp bố trí kinh phí bảo trì từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

4. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức bảo trì kết hợp tận thu sản phẩm được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.¹⁰

5. Trong quá trình quản lý, bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì công trình (không bao gồm sản phẩm tận thu đối với hình thức bảo trì kết hợp tận thu sản phẩm) thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định này.

Mục 3. KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 11. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

d) Trường hợp cần thiết thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức khác với các phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định¹¹. Nội dung chủ yếu của Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Mẫu số 04D tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

¹⁰ Hiện nay, Bộ Giao thông vận tải đang sửa đổi Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; đề nghị đưa nội dung bảo trì kết hợp tận thu sản phẩm vào quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung của Bộ Giao thông vận tải.

¹¹ Trường hợp cần liệt kê cụ thể “phương thức khai thác khác” gắn với thẩm quyền quyết định (Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh) thì đề nghị Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh đề xuất cụ thể để Bộ Tài chính tổng hợp.

2. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

b) Tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác tài sản theo phương thức khác quy định tại Nghị định này.

d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ mục đích công cộng (không phát sinh nguồn thu từ khai thác tài sản), cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định; không phải lập Đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Mục này. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý phục vụ mục đích công cộng trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cùng cấp.

4. Trong quá trình cơ quan được giao quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định này.

Điều 12. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trực tiếp tổ chức khai thác tài sản

1. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trực tiếp tổ chức khai thác tài sản thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan được giao quản lý tài sản đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản lập theo Mẫu số 04A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

4. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan được giao quản lý tài sản đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản lập theo Mẫu số 04A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

5. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:

a) Việc lập hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này), gửi lấy ý kiến của các cơ quan

có liên quan về Đề án khai thác tài sản.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Sau khi nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án. Thời hạn hoàn thiện Đề án tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan. Trên cơ sở đó, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản lập theo Mẫu số 04A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

6. Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản khai thác (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản).

c) Phương thức khai thác: Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.

d) Thời hạn khai thác tài sản (nếu có).

đ) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện việc cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật có liên quan và Đề án được duyệt.

Điều 13. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là việc Nhà nước chuyên giao có thời hạn quyền khai thác tài sản cho doanh

nghiệp theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

2. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả trường hợp cho thuê quyền khai thác một phần tài sản) được áp dụng đối với tài sản hạ tầng đường thủy nội địa đã được đầu tư xây dựng và không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê nhưng tối thiểu là 05 năm. Thời hạn cho thuê cụ thể phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt.

3. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

4. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định này. Riêng Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được lập theo Mẫu số 04B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản (cơ quan có tài sản cho thuê quyền khai thác).

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác tài sản (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản).

c) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

đ) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (trả tiền một lần cho cả thời gian thuê/trả tiền hàng năm).

e) Thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

g) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

h) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản

kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện:

a) Xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Trường hợp cho thuê quyền quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, giá khởi điểm để đấu giá là tiền thuê quyền khai thác tài sản của một năm.

Trường hợp cho thuê quyền quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê, giá khởi điểm để đấu giá là tiền thuê quyền khai thác tài sản của toàn bộ thời hạn cho thuê.

b) Tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản¹². Trong đó, mức tiền đặt trước quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản được áp dụng thống nhất như sau:

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, mức tiền đặt trước được xác định bằng $(=) 20\%$ nhân (x) giá khởi điểm tiền thuê một năm quy định tại điểm a khoản này (x) số năm cho thuê;

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời hạn thuê, mức tiền đặt trước được xác định là 20% giá khởi điểm tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê quy định tại điểm a khoản này.

c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản phải đáp ứng điều kiện:

c1) Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc quản lý, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình hạ tầng đường thủy nội địa tối thiểu đủ 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá;

c2) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế.

Tổ chức kiểm toán, cơ quan thuế chịu trách nhiệm toàn diện về Báo cáo kiểm toán và nội dung xác nhận của mình.

7. Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và Phụ lục Hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên cho thuê quyền khai thác tài sản (cơ quan được giao quản lý tài sản).

b) Thông tin của bên nhận thuê quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp trúng đấu giá).

¹² Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (không hướng dẫn cụ thể thuê tổ chức có chức năng đấu giá/hoặc thành lập Hội đồng).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác tài sản (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu ước tính hàng năm trong phương án tài chính của Hợp đồng:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu ước tính} \\ \text{hàng năm trong} \\ \text{phương án tài chính} \\ \text{của Hợp đồng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu ước tính} \\ \text{hàng năm trong} \\ \text{phương án giá khởi} \\ \text{điểm để đấu giá} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ của doanh thu khai thác} \\ \text{tài sản trúng đấu giá} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ của doanh thu khai thác} \\ \text{tài sản khởi điểm để đấu giá} \end{array}}$$

e) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản (được xác định theo kết quả trúng đấu giá được tính theo tỷ lệ (%) của doanh thu khai thác).

g) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác theo hình thức trả tiền thuê hàng năm thì thanh toán 02 lần trong năm: lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê của năm chậm nhất là ngày 31 tháng 5, lần 2 thanh toán số tiền thuê còn lại chậm nhất là ngày 31 tháng 10.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì tiền thuê được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng; trường hợp số tiền thuê trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 180 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% số tiền thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% số tiền thuê trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng.

h) Tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng (ngoài giá trị Hợp đồng đã ký). Tiền đặt cọc được nộp bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh ngân hàng trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng; cụ thể:

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng bằng (=) 5% nhân (x) tiền thuê một năm theo giá trúng đấu giá nhân (x) số năm cho thuê;

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê, tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các nội dung cần thiết khác.

k) Thời hạn bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho bên thuê; thời hạn bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho bên cho thuê.

l) Điều kiện điều chỉnh Hợp đồng áp dụng đối với trường hợp cho thuê

quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Phương án 1: Trường hợp doanh thu thực tế (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế) của năm mà doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản thu được lớn hơn 110% hoặc nhỏ hơn 90% so với mức **doanh thu đối chiếu** của năm tương ứng thì điều chỉnh Hợp đồng thông qua ký Phụ lục Hợp đồng theo nguyên tắc doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản nộp bổ sung vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này hoặc được Nhà nước hoàn trả 50% phần doanh thu tăng thêm trên 110%/giảm đi dưới 90%. Khoản tiền ngân sách nhà nước hoàn trả cho doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản (nếu có) được bố trí vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan được giao quản lý tài sản.

Phương án 2: Trường hợp doanh thu thực tế (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế) của năm mà doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản thu được lớn hơn 110% so với mức **doanh thu đối chiếu** của năm tương ứng thì điều chỉnh Hợp đồng thông qua ký Phụ lục Hợp đồng theo nguyên tắc doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 110% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

Trong đó, doanh thu đối chiếu làm căn cứ điều chỉnh Hợp đồng là doanh thu ước tính hàng năm trong phương án tài chính của Hợp đồng quy định tại điểm đ khoản này.

m) Điều kiện chấm dứt Hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm Hợp đồng, xử lý tranh chấp Hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã ký kết và Phụ lục Hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

8. Quyền của doanh nghiệp nhận thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định về hoạt động giao thông đường thủy nội địa và Hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nêu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được thu giá dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

đ) Các quyền khác của bên nhận thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

9. Nghĩa vụ của doanh nghiệp nhận thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bảo vệ tài sản nhận thuê quyền khai thác (bao gồm cả đất, mặt nước gắn công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép công trình và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, bên thuê quyền khai thác có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bên cho thuê để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản nhận thuê quyền khai thác phù hợp mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp hoặc thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản theo Hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản (vào tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này) đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết mà doanh nghiệp chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp tiền chậm nộp; mức tiền chậm nộp xác định tương đương khoản tiền chậm nộp đối với các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Bên cho thuê quyền khai thác tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng và chứng từ về việc nộp tiền của doanh nghiệp (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.¹³

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc kinh doanh tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa nhận thuê kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, gửi cơ quan được giao quản lý tài sản (bên cho thuê).

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên cho thuê quyền khai thác tài sản; cùng bên cho thuê quyền khai thác tài sản giải quyết các vướng mắc phát sinh.

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản và các trường hợp quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Hợp đồng ký kết phải thông báo cho bên cho thuê quyền khai thác tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động giao thông đường thủy nội địa được an toàn, thông suốt.

¹³ Quy định việc cưỡng chế trong trường hợp không có khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; tuy nhiên, pháp luật về quản lý thuế (khoản 2, khoản 13 Điều 3 Luật Quản lý Thuế) quy định việc cưỡng chế thực hiện đối với các khoản thu NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Khoản thu khai thác TSKCHT là khoản thu của NSNN nhưng không phải khoản thu do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Do đó, quy định cưỡng chế đối với khoản thu này theo quy định của pháp luật về quản lý thuế là không có căn cứ.

i) Thực hiện các nghĩa vụ khác của bên nhận thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

10. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

12. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng, bên thuê quyền khai thác có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho bên cho thuê kể từ ngày kết thúc thời hạn theo Hợp đồng, kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý Hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho bên cho thuê.

b) Phối hợp với bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng tài sản được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có).

d) Phối hợp với bên cho thuê thực hiện việc thanh lý Hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có), hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản và bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác theo quy định của pháp luật về dân sự.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền đặt cọc quy định tại điểm h khoản 7 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền đặt cọc được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà bên thuê phải thanh toán.

13. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng, cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận quyền khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản kể từ thời điểm bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều này (trừ trường hợp bên thuê phải sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản). Kinh phí bảo trì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

c) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị

định này kể từ thời điểm bên thuê bàn giao lại tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 12 Điều này.

14. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt Hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp cho thời gian còn lại theo Hợp đồng và số tiền đặt cọc quy định tại điểm h khoản 7 Điều này. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều này.

15. Việc xử lý vi phạm Hợp đồng, tranh chấp Hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều này.

16. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan làm ảnh hưởng đến việc khai thác tài sản của bên thuê. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp theo Hợp đồng¹⁴ hoặc không phải nộp tiền thuê cho thời gian không khai thác được trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của Hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản.

Điều 14. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là việc Nhà nước chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan

¹⁴ Trường hợp đã nộp tiền thuê có thể xảy ra đối với cả trường hợp nộp tiền thuê một lần cho cả thời hạn thuê và trường hợp nộp tiền thuê hàng năm.

được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định cụ thể trong từng Hợp đồng chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 50 năm. Thời hạn chuyển nhượng cụ thể phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt.

4. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện tương tự quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được lập theo Mẫu số 04C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Cơ quan có tài sản chuyển nhượng quyền khai thác.
- b) Danh mục tài sản khai thác (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản).
- c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.
- đ) Phương thức thực hiện chuyển nhượng quyền khai thác tài sản: Đấu giá.
- e) Hình thức thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Trả tiền một lần cho cả thời hạn chuyển nhượng.
- g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.
- h) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.
- i) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện:

a) Xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản¹⁵. Trong đó, mức tiền đặt trước quy định tại Điều 39

¹⁵ Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (không hướng dẫn cụ thể thuê tổ chức có chức năng đấu giá/hoặc thành lập Hội đồng).

Luật Đấu giá tài sản được áp dụng thống nhất là 20% giá khởi điểm chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng quyền khai thác tài sản phải đáp ứng điều kiện:

c1) Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc quản lý, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình hạ tầng đường thủy nội địa tối thiểu đủ 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá;

c2) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế.

Tổ chức kiểm toán, cơ quan thuế chịu trách nhiệm toàn diện về Báo cáo kiểm toán và nội dung xác nhận của mình.

c3) Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

7. Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và Phụ lục Hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (cơ quan được giao quản lý tài sản).

b) Thông tin của bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu ước tính hàng năm trong phương án tài chính của Hợp đồng:

$$\text{Doanh thu ước tính hàng năm trong phương án tài chính của Hợp đồng} = \text{Doanh thu ước tính hàng năm trong phương án giá khởi điểm để đấu giá} \times \frac{\text{Giá trúng đấu giá}}{\text{Giá khởi điểm để đấu giá}}$$

e) Giá chuyển nhượng, tổng giá trị chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (được xác định theo kết quả trúng đấu giá).

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:

Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 180 ngày,

kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng.

h) Tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng (ngoài giá trị Hợp đồng đã ký):

Mức tiền đặt cọc bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nộp cho bên chuyển nhượng; được nộp bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh ngân hàng trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng.

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản và các nội dung cần thiết khác.

k) Thời hạn bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác cho bên nhận chuyển nhượng; thời hạn bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho bên chuyển nhượng.

l) Điều kiện điều chỉnh Hợp đồng:

Phương án 1: Trường hợp doanh thu thực tế (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế) của năm mà doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản thu được lớn hơn 110% hoặc nhỏ hơn 90% so với mức **doanh thu đối chiếu** của năm tương ứng thì điều chỉnh Hợp đồng thông qua ký Phụ lục Hợp đồng theo nguyên tắc doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản nộp bổ sung vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này hoặc được Nhà nước hoàn trả 50% phần doanh thu tăng thêm trên 110%/giảm đi dưới 90%. Khoản tiền ngân sách nhà nước hoàn trả cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản (nếu có) được bố trí vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan được giao quản lý tài sản.

Phương án 2: Trường hợp doanh thu thực tế (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế) của năm mà doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản thu được lớn hơn 110% so với mức **doanh thu đối chiếu** của năm tương ứng thì điều chỉnh Hợp đồng thông qua ký Phụ lục Hợp đồng theo nguyên tắc doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 110% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

Trong đó, doanh thu đối chiếu làm căn cứ điều chỉnh Hợp đồng là doanh thu ước tính hàng năm trong phương án tài chính của Hợp đồng quy định tại điểm đ khoản này.

m) Điều kiện chấm dứt Hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm Hợp đồng, xử lý tranh chấp Hợp đồng theo quy định của

pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã ký kết và Phụ lục Hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

8. Quyền của doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Được sử dụng, kinh doanh tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng ký kết.

b) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

c) Được sử dụng tài sản do doanh nghiệp đầu tư, quyền khai thác tài sản để huy động vốn theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quyền theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 8 Điều 13 Nghị định này.

9. Nghĩa vụ của doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Thực hiện đầu tư dự án nhận chuyển nhượng theo đúng dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc kinh doanh tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa nhận chuyển nhượng kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, gửi cơ quan được giao quản lý tài sản (bên chuyển nhượng).

c) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm c, d, e, g, h và i khoản 9 Điều 13 Nghị định này.

10. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

12. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng:

a) Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 13 Nghị định này.

b) Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (cơ quan được giao quản lý tài sản) có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 13

Nghị định này.

13. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt Hợp đồng trước hạn. Căn cứ tiến độ đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực tế công trình hoàn thành, thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác còn lại theo Hợp đồng, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng xác định giá trị được hoàn trả cho phù hợp và số tiền đặt cọc quy định tại điểm e khoản 7 Điều 13 Nghị định này. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều này.

14. Việc xử lý vi phạm Hợp đồng, xử lý tranh chấp Hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều này.

Điều 15. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là khoản tiền doanh nghiệp thuê, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước để được sử dụng, khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.

3. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa¹⁶:

a) Phù hợp với quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức chi, định mức kinh tế kỹ thuật (nếu có) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trạng thái kỹ thuật của từng tài sản.

b) Phù hợp với giá cho thuê, chuyển nhượng trên thị trường (trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản) của tài sản tương tự/cùng loại, cùng mục đích cho thuê, chuyển nhượng hoặc cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng tại thời điểm cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có). Trường hợp trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản chưa phát sinh việc cho thuê, chuyển nhượng thì sử dụng giá cho thuê, chuyển nhượng trên thị trường trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc

¹⁶ Nguyên tắc tại khoản này được dựa trên nguyên tắc quy định tại Thông tư số 47/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ Tài chính.

trung ương khác để đối chiếu (nếu có).

4. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định theo tỷ lệ (%) trên doanh thu và được xác định trên các cơ sở sau:

a) Chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ để quản lý tài sản; giá trị của tài sản; giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng tại thời điểm xác định và tương đương về mục đích cho thuê (nếu có).

b) Doanh thu và chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Giá khởi điểm để đấu giá chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu của phương án tài chính khi Nhà nước chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong một thời gian nhất định gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; gồm:

a) Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi là dự án).

b) Nguồn vốn thực hiện dự án.

c) Các khoản chi phí trong thời gian khai thác tài sản.

d) Doanh thu ước tính hàng năm.

đ) Phương án thu hồi vốn đầu tư, lợi nhuận của nhà đầu tư.

e) Các chỉ tiêu khác (nếu có).

6. Trên cơ sở các chỉ tiêu quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, cơ quan được giao quản lý tài sản thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá khởi điểm, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

7. Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 16. Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.

2. Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là việc Nhà nước áp dụng cơ chế thu hồi đất vùng phụ cận ngoài diện tích đất phục vụ dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa nhằm tạo quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

a) Việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được khuyến khích áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đường thủy nội địa theo quy hoạch phát triển đô thị hoặc quy hoạch khu dân cư nông thôn.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này thì căn cứ tình hình thực tế, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này quyết định việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3. Việc khai thác quỹ đất, mặt nước vùng phụ cận ngoài diện tích đất, mặt nước phục vụ dự án để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo lập Đề án Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 118 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Nội dung chủ yếu của Đề án khai thác quỹ đất, mặt nước gồm:

a) Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, sự cần thiết của Đề án.

b) Diện tích đất, mặt nước dự kiến khai thác.

c) Hình thức sử dụng đất, mặt nước.

d) Tổng mức đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

đ) Dự kiến chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để khai thác quỹ đất, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

e) Dự kiến số tiền thu được từ việc khai thác quỹ đất, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

g) Phương án quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác quỹ đất, mặt nước.

h) Các thông tin khác liên quan đến việc khai thác quỹ đất, mặt nước.

i) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cơ quan được giao quản lý tài sản phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương tổ chức thực hiện việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có quỹ đất, mặt nước để tạo vốn) có trách nhiệm:

a) Thu hồi diện tích đất, mặt nước vùng phụ cận ngoài diện tích đất, mặt

nước phục vụ dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Đề án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

b) Phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất, mặt nước thu hồi tại điểm a khoản này theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất, mặt nước thu hồi.

d) Phê duyệt và công bố công khai quy hoạch chi tiết đối với quỹ đất, mặt nước để tạo vốn.

đ) Quyết định giao đất, cho thuê đất, mặt nước theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

e) Các công việc khác có liên quan.

Điều 17. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trường hợp cơ quan được giao quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11, Điều 12 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và pháp luật về ngân sách nhà nước. Danh mục phí, lệ phí đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

b) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là tiền thu từ giá dịch vụ và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định này được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan được giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 11, Điều 13, Điều 14 Nghị định này và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 16 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý;

Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải được lập dự toán và do Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phê duyệt (sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan tài chính của Bộ Giao thông vận tải đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý, ý kiến thẩm định của Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý).

Chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan trong trường hợp cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định này.

Chi phí có liên quan đến việc khai thác quỹ đất, mặt nước quy định tại Điều 16 Nghị định này.

c) Việc lập dự toán chi phí; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo như quy định tại Điều 26 Nghị định này.

d) Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau khi đã hoàn thành việc cấp tiền từ tài khoản tạm giữ để thanh toán chi phí tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để bảo trì, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Mục 4. XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 18. Các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Thu hồi tài sản.
2. Điều chuyển tài sản.
3. Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.
4. Thanh lý tài sản.
5. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
6. Xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước

vào doanh nghiệp.

7. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý.

b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

c) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích.

d) Khi có đề án được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt chủ trương giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thu hồi được xử lý theo các hình thức sau:

a) Điều chuyển theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

b) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

c) Giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do đề nghị thu hồi): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài

sản): 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

c) Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm các nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản tổ chức việc tiếp nhận tài sản (nếu cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi không phải là cơ quan quản lý đường thủy nội địa); lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định này.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

5. Việc thu hồi tài sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

6. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 4, 5 và 7 Điều này:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.

7. Việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về đất đai được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 20. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được điều chuyển giữa các

cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, điều chuyển từ cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

c) Khi có đề án được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt chủ trương giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này từ Bộ Giao thông vận tải sang bộ, cơ quan trung ương khác hoặc về địa phương; từ địa phương về bộ, cơ quan trung ương hoặc địa phương khác.

c) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

3. Trường hợp điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì phải đảm bảo phù hợp với quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính. Trong đó, trường hợp điều chuyển tài sản gắn với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thì phải thuyết minh cụ thể sự phù hợp của tài sản dự kiến nhận điều chuyển với tiêu

chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; trường hợp điều chuyển tài sản do thay đổi về phân cấp quản lý, quy hoạch thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan đến chuyển đổi công năng sử dụng tài sản (trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và thực hiện việc bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (nếu phải duy trì công năng, hoạt động của tài sản) theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản (cơ quan có tài sản điều chuyển) và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm: Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

thực hiện kê toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kê toán hiện hành; thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có); báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

5. Việc điều chuyển tài sản trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

Điều 21. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản đã được giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

b) Bị loại ra khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia về địa phương quản lý, xử lý.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý, xử lý.

3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, kèm theo ý kiến bằng văn bản của cơ quan có liên quan để trình Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị chuyển giao tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Bộ Giao thông vận tải xem xét, có văn bản kèm theo hồ sơ và ý kiến của các cơ quan có liên quan (trong đó có Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản) để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có văn bản kèm theo hồ sơ và ý kiến của các cơ quan có liên quan (trong đó có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận tài sản (nếu có)) để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi chuyển giao); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản (cơ quan có tài sản chuyển giao) phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản: Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do đơn vị nhận chuyển giao tài sản chi trả.

Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho địa phương tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả.

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới hoặc để đảm bảo giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản; lý do thanh lý): 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý); danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý; quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ công trình được xử lý như sau:

a) Giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì, trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị Hợp đồng bảo trì.

b) Điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng: Trên cơ sở đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản, đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển ra ngoài Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b1) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

b2) Trình tự, thủ tục điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b1 khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có vật tư, vật liệu điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật tư, vật liệu; danh mục vật tư, vật liệu điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển; lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản và cơ quan tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng: Cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

6. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án đầu tư xây dựng tài sản mới được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản với thẩm quyền, hình thức thanh lý tài sản phù hợp với quy định tại Nghị định này thì cơ quan được giao quản lý tài sản không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật tư, vật liệu thu hồi đã được tính trừ trong gói thầu của dự án.

7. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông

đường thủy nội địa quy định tại khoản 1 Điều này thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

c) Quyết định xử lý tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản (cơ quan có tài sản bị mất, bị hủy hoại); danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại được ghi giảm tài sản (tên tài sản; địa chỉ; số lượng/khối lượng/chiều dài; năm đưa vào sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng tài sản); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để khôi phục hoạt động giao thông đường thủy nội địa an toàn, thông suốt.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có) nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 24. Xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm

quyền quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản đã giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này để giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thì phải thực hiện thu hồi hoặc điều chuyển tài sản đã giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản để giao cho doanh nghiệp.

2. Trường hợp Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và giao cho Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện quyết định thu hồi; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia).

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 19 Nghị định này. Riêng hồ sơ đề nghị điều chuyển là hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định này và bổ sung đề án được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt chủ trương giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Căn cứ quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan được giao quản lý tài sản (cơ quan có tài sản bị thu hồi) có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

3. Trường hợp Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản không phải là tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia) từ Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 4 Điều 20 Nghị định này. Riêng hồ sơ đề nghị điều chuyển là hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Nghị định này và bổ sung đề án được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt chủ trương giao tài sản kết

cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Căn cứ quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp thực hiện giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản (cơ quan có tài sản điều chuyển) có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sau khi giao cho doanh nghiệp và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trước khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cơ quan, người có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương (đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý); trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của phương án thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và các nội dung cần thiết khác.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai:

a) Đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về phương án thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b) Đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản

lý, cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về phương án thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản sau khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản trình Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phê duyệt (sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan tài chính của Bộ Giao thông vận tải đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý, ý kiến thẩm định của Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý). Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

- a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.
- b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.
- c) Chi phí định giá và thẩm định giá.
- d) Chi phí tổ chức bán.
- đ) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

4. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan được giao quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; Hóa đơn, Phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan được giao quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

7. Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

MỤC 5. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Điều 27. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được đầu tư theo phương thức đối tác công - tư

1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức đối tác công - tư và việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo phương thức đối tác công - tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với tài sản kết cấu hạ

tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản này về việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư là cơ sở để quyết định hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và Hợp đồng ký kết, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công - tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cơ quan đang được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án, cơ quan đang được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

MỤC 6. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 28. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải được báo cáo kê khai và được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Báo cáo kê khai lần đầu theo Mẫu số 01A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có tại thời điểm Nghị định

này có hiệu lực thi hành;

Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung theo các Mẫu số 01B, 01C, 01D tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan được giao quản lý hoặc thông tin về tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển) hoặc ngày có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, cơ quan được giao quản lý tài sản báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả số tiền thu được từ xử lý và khai thác tài sản của năm trước) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại các Điều 12, 13 và 14 Nghị định này theo các Mẫu số 02A, 02B và 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo các Mẫu số 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ và 03E tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hằng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập báo cáo gửi Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

b) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản của cả nước.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được

gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp.
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.
- c) Gửi qua Fax.
- d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.
- đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.
- e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật;

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

3. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản, Sở Tài chính thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải:

a) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

d) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 28 Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trên phạm vi cả nước để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

e) Quy định chi tiết việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

g) Quyết định giá quy ước của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa làm cơ sở xác định giá trị tài sản (bao gồm cả tài sản thuộc trung ương và tài sản thuộc địa phương quản lý) để ghi sổ kế toán đối với các trường hợp chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản.

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Quy định chế độ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trên phạm vi cả nước và hướng dẫn việc tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn.

b) Chỉ đạo, rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ

tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

d) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi địa phương quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

4. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Các cơ quan và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định; các cơ quan khác lưu bản sao.

Điều 31. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có Quyết định giao tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản phù hợp với đối tượng được giao quản lý tài sản quy định tại Nghị định này thì cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này; không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ký kết kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định tại Nghị định này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có trước ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện xác định giá trị để ghi sổ kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP và quy định của của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì thực hiện xác định giá trị tài sản, kế toán, tính hao mòn tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện xong (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ký; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo hình thức bán theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP:

a) Trường hợp chưa tổ chức đấu giá hoặc tổ chức đấu giá không thành hoặc kết quả đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản hoặc quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền đã hết hiệu lực theo quy định của pháp luật thì dừng việc bán và thực hiện xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp đã tổ chức đấu giá thành công, đã ký Hợp đồng mua bán tài sản, nhưng người mua tài sản (người trúng đấu giá), chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản theo Hợp đồng đã ký kết thì:

Người mua tài sản tiếp tục thanh toán tiền mua tài sản và cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện nộp tiền vào tài khoản tạm giữ theo Hợp đồng đã ký kết.

Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán đấu giá tài sản cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc bán tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

Điều 33. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;...

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;...
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH.